Công Ty Cổ Phần Điện Cơ
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Điện Cơ
DN: C=VN, S=MST:0301900678, L="Số 6, Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh", O=Công Ty Cổ Phần Điện Cơ, OU="Có BH,HQDT", CN=Công Ty Cổ Phần Điện Cơ, E=viethang2307@gmail.com
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2022-07-31 10:40:32
Foxit Reader Version: 9.3.0

PHỤ LỤC SỐ 05
APPENDIX 05

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 20 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

Tên công ty
Company name

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 01/BC
No.

HCM, ngày 30 tháng 1 năm 2022
....., *day .... month .... year .....*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
Năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ

- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of headoffice:Số 6 đường 3/2 phường 15 quận 11, TP.HCM*

- Điện thoại/ *Telephone:* 028.38651598 Fax: 028.38647429 Email:dienco@emec.vn

- Vốn điều lệ/ *Charter capital: 37.802.980.000*

- Mã chứng khoán/ *Securities code:EME*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ *Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):*

Stt *No.*	Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
1	084/NQ-ĐC-HĐQT	27/04/2021	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

2	083/BB-ĐC-HĐQT	27/04/2021	Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Board of Management (Semi-annual/annual reports):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Management:*

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *BOM's member*	Chức vụ/ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ *Day becoming/no longer member of the Board of Management*	Số buổi họp HĐQT tham dự/ *Number of attendance*	Tỷ lệ tham dự họp/ *Percentage*	Lý do không tham dự họp/ *Reasons for absence*
1	Bùi Thị Lưu Hảo	Chủ tịch		4 lần/4	100%	
2	Nguyễn Duy Quốc Việt		Bổ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 27/04/2021	3 lần/3	100%	
3	Đỗ Thị Mai Trang			3 lần/4	75%	Bận công tác, có ủy quyền họp
4	Trần Minh Hiếu		Bổ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 27/04/2021	3 lần/3	100%	
5	Nguyễn Duy Hải			4 lần/4	100%	
6	Trần Ngọc Thạch		Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 27/04/2021	1 lần/1	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervision by the BOD over the Director (General Director):*

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát những hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý khác và các công việc quản lý điều hành, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm soát các nội dung sau:

- Thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra.

- HĐQT thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ BKS, cũng như đánh giá kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để kịp thời có các biện pháp chỉ đạo Ban giám đốc, cán bộ lãnh đạo đáp ứng cho các hoạt động của Công ty.

- HĐQT xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng, 1 năm; kiểm tra thường xuyên việc thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Quyết định cơ cấu nhân sự chủ chốt, cơ cấu tổ chức Công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' committees: Không có tiểu bản thuộc HĐQT*

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
1	02/NQ-ĐC-HĐQT	05/04/2021	- Giao Ban điều hành tìm kiếm quỹ đất mới (ưu tiên đất Khu công nghiệp) để di dời khâu sản xuất các sản phẩm beton nhằm định hướng phát triển lâu dài và ổn định cho Công ty. - Thống nhất Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020: + Tổng doanh thu: 79,75 tỷ đồng + Lợi nhuận trước thuế: 1,66 tỷ đồng Thống nhất kế hoạch nhiệm vụ năm 2021: + Tổng doanh thu: 123,42 tỷ đồng. + Lợi nhuận trước thuế dự kiến: 5,76 tỷ đồng. + Lợi nhuận sau thuế dự kiến: 4,6 tỷ đồng. + Dự kiến chi trả cổ tức 5%/vốn điều lệ: 1,89 tỷ đồng + Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi: 460 triệu đồng - Giao ban điều hành hiệu chỉnh Tờ trình tăng vốn và trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. - Thống nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
2	04/NQ-ĐC-HĐQT	05/05/2021	- Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 kể từ ngày 05/05/2021.
3	05/BB-ĐC-HĐQT	10/05/2021	- Thông qua đề xuất cấp tín dụng và sử dụng tài sản đảm bảo cho khoản tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành.
4	10/HĐQT-NQ	25/11/2021	- Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu

			ra công chúng nộp Ủy ban Chứng khoán.

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm)/ ***Supervisory Board*** *(Semi-annual/annual reports):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Supervisory Board:*

Stt *No.*	Thành viên BKS *Members of Supervisory Board*	Chức vụ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS *Day becoming/no longer member of the Supervisory Board*	Số buổi họp BKS tham dự *Number of attendance*	Tỷ lệ tham dự họp *Percentage*	Lý do không tham dự họp *Reasons for absence*
1	Đoàn Thị Thu Thủy	Trưởng Ban kiểm soát		4 lần	100%	
2	Lê Thị Việt Hoa	Thành viên BKS		4 lần	100%	
3	Trương Quốc Nghĩa	Thành viên BKS		4 lần	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông *Surveillance activities of the Supervisory Boardtoward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:*

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty thực hiện theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Boardwith the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, cũng như công tác kế toán.

- HĐQT và Ban giám đốc thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any):*

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ ***Training on corporate governance:***

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO),*

other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance: Không có

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company*

(Đính kèm Mẫu 01)

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person.*

Không có.

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power*

Không có.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).*

Không có.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO).*

Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO).*

Không có.

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *List of internal persons and their affiliated persons*

(Đính kèm Mẫu 2)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ *Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company*

Stt *No.*	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal person*	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *Number of shares owned at the beginning of the period*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) *Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)*
			Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD
(Ký tên và đóng dấu)
(Sign and seal)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ (EMEC) QUẬN 11 - T.P HỒ CHÍ MINH

Bùi Thị Lưu Hảo

CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ
MÃ CHỨNG KHOÁN: EME

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty (Mẫu 1)

STT	Tên tổ chức/cá nhân Name of org	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons
1	**Bùi Thị Lưu Hảo**		Chủ tịch Hội đồng quản trị	Số : 001155013885 Ngày cấp 03/01/2022- Cục cảnh sát QLHC về TTXH	860/42/5 -Xô Viết Nghệ Tĩnh - P25- Bình Thạnh	29/06/2018		
1.1	Nguyễn Bảo Long			Số : 023742354 Ngày cấp 27/7/2011- TPHCM	860/42/5 -Xô Viết Nghệ Tĩnh - P25- Bình Thạnh			
1.2	Bùi Lưu Khanh			Số : 001047003567 Ngày cấp 11/9/2017- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội			
1.3	Bùi Thị Nga			Số : 001152010652 Ngày cấp 25/8/2020- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội			
1.4	Bùi Thị Lưu Vinh			Số : 010679121 Ngày cấp 21/01/2014 - TPHN	Ngõ 462/35/17 Đường Bưởi - Ba Đình - Hà nội			
1.5	Nguyễn Văn Síu			Số : 010094279 Ngày cấp 15/01/2014- TPHN	Ngõ 462/35/17 Đường Bưởi - Ba Đình - Hà nội			
1.6	Bùi Thị Lưu Hiền			Số : 010435759 Ngày cấp 27/7/2011- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội			
1.7	Bùi Thị Lưu Đức			Số : 020606319 Ngày cấp 18/6/2008 - TPHCM	44B Đinh Công Tráng Tân Định - Quận 1			
1.8	Bùi Thị Lưu Nhân			Số : 022594947 Ngày cấp 30/3/2011- TPHCM	288 D1 Nam Kỳ khởi nghĩa- Phường 8 - Quận 3			
1.9	Bùi Lưu tân			Số : 010351411 Ngày cấp 11/3/2008- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội			
1.10	Nguyễn Thị Hà			Số : 011072414 Ngày cấp 30/10/2007- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội			
2	**NGUYỄN DUY HẢI**		**Thành viên HĐQT-Giám đốc**	001076019114 cấp ngày 12/12/2018 do Cục trưởng CCS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	15/01/2020		

2.1	Phạm Thị Lan			010961368 cấp ngày 23-09-2005 tại CATP Hà Nội	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội			
2.2	Nguyễn Duy Lạng			070308358 cấp ngày 03/10/2007 tại CA Tỉnh Tuyên Quang	Minh Xuân, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			
2.3	Nguyễn Thị Sâm			070216750 cấp ngày 20/03/2020 tại CA Tỉnh Tuyên Quang	Minh Xuân, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			
2.4	Nguyễn Việt Nga			008176000212 cấp ngày 21/7/2020, do Cục trưởng CCS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội			
2.5	Nguyễn Hải Sơn			070527039 cấp ngày 22/12/2010 tại CA Tỉnh Tuyên Quang	Minh Xuân, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			
2.6	Nguyễn Việt Linh			070397910 cấp ngày 17/7/2015 tại CA Tỉnh Tuyên Quang	Minh Xuân, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			
2.7	Nguyễn Thị Tuyết			001174014195 cấp ngày 21-06-2017 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Hoàng 17 ,Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà nội.			
2.8	Nguyễn Thị Mai			011937572 cấp ngày 25-03-2013 tại CATP Hà nội	Căn hộ số 502 - Tòa P01 khu đô thị Nam Thăng Long -Xuân Đỉnh -Từ Liêm Hà Nội			
2.9	Nguyễn Thị Hoa			001181016676 cấp ngày 30-11-2016 tCục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 57/1 An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội			
2.10	Nguyễn Thị Thu Hương			001183027510 cấp ngày 22-02-2018 Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội			
2.11	Nguyễn Hải Nhi			001305023324 cấp ngày 20/7/2020 Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội			
2.12	Nguyễn Duy Mạnh				TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội			
2.13	Phạm Thanh Nam			001081016930cấpngày:17/11/2916 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 57/1 An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội			
2.14	Phạm Hữu Tuấn			011947484 cấp ngày 22-06-2006 tại CA TP hà nội	Căn hộ số 502 - Tòa P01 khu đô thị Nam Thăng Long -Xuân Đỉnh -Từ Liêm Hà Nội			
2.15	Trần Ánh Dương			011866090 cấp ngày 30-09-2010 tại CATP Hà Nội	TDP Hoàng 17 ,Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm . Hà nội.			
3	**Nguyễn Duy Quốc Việt**		**Thành viên HĐQT**	022570364, Ngày cấp:25/12/2009 Nơi cấp: CA TP.Hồ Chí Minh	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ Chí Minh	27/04/2021		

3.1	Nguyễn Duy Quang			Số CCCD: 079039000586; ngày cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	A13/12 QL1A, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, TPHCM			
3.2	Phan Thị Tám			Số CCCD: 080144000229; ngày cấp: 30/8/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành cính về trật tự xã hội	A13/12 QL1A, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, TPHCM			
3.3	Hoàng Thị Thu Hương			Số CCCD: 038177007522; ngày cấp 03/1/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ Chí Minh			
3.4	Nguyễn Hoàng Nam Phương			Chưa thành niên	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ Chí Minh			
3.5	Nguyễn Hoàng Minh Phương			Chưa thành niên	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ Chí Minh			
3.6	Nguyễn Duy Linh			Số CCCD: 022111455; ngày cấp: 1/7/2014; nơi cấp: Công an TP.HCM	A13/12 QL1A, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, TPHCM			
3.7	Nguyễn Duy Hiển			Số CCCD: 079070011133; ngày cấp: 5/1/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	A13/12 QL1A, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, TPHCM			
3.8	Nguyễn Thị Thanh Khuê			Số CCCD: 038149003330; ngày cấp: 6/12/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ Chí Minh			
3.9	Hoàng Mạnh Cường			Số CCCD: 038079011607; ngày cấp: 29/11/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ Chí Minh			
3.10	Hoàng Thị Hằng Nga			Số CCCD: 079187017766; ngày cấp: 5/12/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ Chí Minh			
4	**Đỗ Thị Mai Trang**		**Thành viên HĐQT**	012030608 do CATP Hà Nội cấp ngày 4/5/2006	Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính- Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình- Hà Nội	31/05/2019		
4.1	Lê Thị Tuyết Mai			001158017226 do Cục Cảnh Sát QLHC về Trật tự XH cấp ngày 22/10/2019	Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính- Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình- Hà Nội			
4.2	Đào Thị Vân			033148000400 do Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 9/12/2015	Xã Cửu Cao, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên			
4.3	Tô Hải Bình			012898150 do CATP Hà Nội cấp ngày 21/7/2006	Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính- Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình- Hà Nội			
4.4	Đỗ Thị Bích Ngọc			012937189 do CATP Hà Nội cấp ngày 21/1/2007	Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính- Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình- Hà Nội			
4.5	Tô Nhật Minh				Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính- Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình- Hà Nội			
4.6	Tô Gia Hân				Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính- Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình- Hà Nội			

5	**Trần Minh Hiếu**		**Thành viên HĐQT**	001097022836, Ngày cấp:20/9/2019, Nơi cấp: CA Hà Nội	Nhà Na 6 khu hỗn hợp nhà ở KHTMDV, 6 Lê Văn Thiêm, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	27/04/2021		
5.1	Trần Minh Điển			30068000105	Nhà Na 6 khu hỗn hợp nhà ở KHTMDV, 6 Lê Văn Thiêm, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội			
5.2	Phạm Thị Thu Phương			22117000047	Nhà Na 6 khu hỗn hợp nhà ở KHTMDV, 6 Lê Văn Thiêm, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội			
5.3	Trần Minh Hải				Nhà Na 6 khu hỗn hợp nhà ở KHTMDV, 6 Lê Văn Thiêm, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội			
Ban kiểm soát								
6	**Đoàn Thị Thu Thủy**		**Trưởng Ban kiểm soát**	310355388 cấp ngày 07/12/2005 tai CA Long An	Ấp 3, Tân Phước Tây, Tân An, Long An	31/05/2019		
6.1	Kiều Thị Mỹ			300325756 cấp ngày 25/06/2019 tai CA Long An	Ấp 3, Tân Phước Tây, Tân An, Long An			
7	**Trương Quốc Nghĩa**		**Thành viên Ban kiểm soát**	079087016280 cấp ngày 29/7/2019 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	152B/4 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM	19/04/2017		
7.1	Nguyễn Thị Thanh Nguyện			079184021144 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	596/4A Hưng Phú, P.9, Q8, TP.HCM			
7.2	Trương Văn Hiếu			079062001853 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	152B/4 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM			
7.3	Nguyễn Thị Xuyên			080167002014 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	152B/4 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM			
7.4	Nguyễn Thành Danh			079055001469 cấp ngày 12/01/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	596/4A Hưng Phú, P.9, Q8, TP.HCM			
7.5	Lư Thị Tư			079156008485 cấp ngày 12/01/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	596/4A Hưng Phú, P.9, Q8, TP.HCM			
7.6	Trương Thị Thắm Quyên			079194001699 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	154/170/35 Âu Dương Lân, P.3, Q.8, TP.HCM			
7.7	Huỳnh Thanh Hùng			083094000073 cấp ngày 29/05/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	154/170/35 Âu Dương Lân, P.3, Q.8, TP.HCM			
8	**Lê Thị Việt Hoa**		**Thành viên Ban kiểm soát**			24/06/2020		
8.1	Lê Thanh Tùng			162627224 ngày 23/04/2013 tại tỉnh Nam Định	5/31/111 Mạc Thị Bưởi, P.Quang Trung, TP.Nam Định			
8.2	Nguyễn Thị Huệ			160132312 ngày 14/06/2013 tại tỉnh Nam Định	5/31/111 Mạc Thị Bưởi, P.Quang Trung, TP.Nam Định			
8.3	Lê Thị Huế			037174000856 ngày 07/12/2016 tại TP.Hà Nội	P1510 Tòa A Kengnam, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội			

8.4	Lê Anh Tuấn			036084012293 Cục trưởng cục CS QLHC TTXH	G404 CC Đồng Diều, P.4, Q.8, TP.HCM			
8.5	Phạm Xuân Đại			012360719 ngày 07/12/2010 tại TP Hà Nội	P1510 Tòa A Kengnam, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội			
8.6	Trần Thị Thanh Hằng			024213564 ngày 23/07/2014 tại TP.HCM	G404 CC Đồng Diều, P.4, Q.8, TP.HCM			
Ban giám đốc và Kế toán trưởng								
9	**Bùi Hải Nam**		**Phó giám đốc**	008079000158 Cục Trưởng CCSQLHC về TTXH cấp ngày 03/04/2019	338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM	01/10/2020		
9.1	Võ Thị Họa Mi			080183000801 Cục Trưởng CCSQLHC về TTXH cấp ngày 09/04/2019	338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM			
9.2	Bùi Xuân Yến			070022791 Công an Tuyên quang cấp ngày 12/6/2008	338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM			
9.3	Nguyễn Tú Hải			070022848 Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/05/2018	338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM			
9.4	Bùi Hải Vy				338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM			
9.5	Bùi Hải Anh				338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM			
9.6	Bùi Hải Âu			70507602 Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 26/6/2020	Tổ 11 Phường Minh Xuân TP Tuyên Quang Tỉnh Tuyên Quang			
9.7	Mai Thanh Huyền			070512024 Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 27/7/2015	Tổ 11 Phường Minh Xuân TP Tuyên Quang Tỉnh Tuyên Quang			
9.8	Võ Văn Hoạnh			300145866 Công an Long An cấp ngày 26/5/2010	232 Ấp Đức Ngãi II, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.			
9.9	Nguyễn Thị Cẩm Bình			300145867 Công an Long An cấp ngày 03/12/2010	232 Ấp Đức Ngãi II, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.			
10	**Ngô Nhật Minh**	033C322615	**Kế toán trưởng**	079081032113 cấp ngày 20/7/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	224 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q.Phú Nhuận, TPHCM	01/05/2017		
10.1	Ngô Ba			049054000896 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	224 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q.Phú Nhuận, TPHCM			
10.2	Phạm Thị Hoa			049157000775 cấp ngày 19/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	224 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q.Phú Nhuận, TPHCM			
10.3	Ngô Phương Thùy Trâm			N1983017-14/03/2019-Sydney-Úc	New South Wales, Úc			
10.4	Ngô Nhật Toàn			079084020283 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	224 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q.Phú Nhuận, TPHCM			

CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ
MÃ CHỨNG KHOÁN: EME

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (MẪU 2)

STT	HỌ TÊN	TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (NẾU CÓ)	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY (NẾU CÓ)	SỐ CMND/HỘ CHIẾU, NGÀY CẤP, NƠI CẤP	ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CUỐI KỲ	GHI CHÚ
1	**Bùi Thị Lưu Hảo**		Chủ tịch Hội đồng quản trị	Số : 001155013885 Ngày cấp 03/01/2022- Cục cảnh sát QLHC về TTXH	860/42/5 -Xô Viết Nghệ Tĩnh - P25-Bình Thạnh	0	0	
1.1	Nguyễn Bảo Long			Số : 023742354 Ngày cấp 27/7/2011- TPHCM	860/42/5 -Xô Viết Nghệ Tĩnh - P25-Bình Thạnh	0	0	Con trai
1.2	Bùi Lưu Khanh			Số : 001047003567 Ngày cấp 11/9/2017- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội	0	0	Anh trai
1.3	Bùi Thị Nga			Số : 001152010652 Ngày cấp 25/8/2020- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội	0	0	Chị dâu
1.4	Bùi Thị Lưu Vinh			Số : 010679121 Ngày cấp 21/01/2014 - TPHN	Ngõ 462/35/17 Đường Bưởi - Ba Đình - Hà nội	0	0	Chị gái
1.5	Nguyễn Văn Síu			Số : 010094279 Ngày cấp 15/01/2014- TPHN	Ngõ 462/35/17 Đường Bưởi - Ba Đình - Hà nội	0	0	Anh rể
1.6	Bùi Thị Lưu Hiền			Số : 010435759 Ngày cấp 27/7/2011- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội	0	0	Chị gái
1.7	Bùi Thị Lưu Đức			Số : 020606319 Ngày cấp 18/6/2008 - TPHCM	44B Đinh Công Tráng Tân Định - Quận 1	0	0	Chị gái
1.8	Bùi Thị Lưu Nhân			Số : 022594947 Ngày cấp 30/3/2011- TPHCM	288 D1 Nam Kỳ khởi nghĩa-Phường 8 - Quận 3	0	0	Chị dâu
1.9	Bùi Lưu tân			Số : 010351411 Ngày cấp 11/3/2008- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội	0	0	Em Trai
1.10	Nguyễn Thị Hà			Số : 011072414 Ngày cấp 30/10/2007- TPHN	39 Nguyễn Hữu Huân - Hoàn Kiếm - Hà nội	0	0	Em dâu
2	**NGUYỄN DUY HẢI**		**Thành viên HĐQT-Giám đốc**	001076019114 cấp ngày 12/12/2018 do Cục trưởng CCS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	266.850	7,06%	
2.1	Phạm Thị Lan			010961368 cấp ngày 23-09-2005 tại CATP Hà Nội	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0	0	Mẹ đẻ

2.2	Nguyễn Duy Lạng			070308358 cấp ngày 03/10/2007 tại CA Tỉnh Tuyên Quang	Minh Xuân, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Bố vợ
2.3	Nguyễn Thị Sâm			070216750 cấp ngày 20/03/2020 tại CA Tỉnh Tuyên Quang	Minh Xuân, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Mẹ vợ
2.4	Nguyễn Việt Nga			008176000212 cấp ngày 21/7/2020, do Cục trưởng CCS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0	0	Vợ
2.5	Nguyễn Hải Sơn			070527039 cấp ngày 22/12/2010 tại CA Tỉnh Tuyên Quang	Minh Xuân, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Anh vợ
2.6	Nguyễn Việt Linh			070397910 cấp ngày 17/7/2015 tại CA Tỉnh Tuyên Quang	Minh Xuân, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Chị vợ
2.7	Nguyễn Thị Tuyết			001174014195 cấp ngày 21-06-2017 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Hoàng 17 ,Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà nội.	177.000	4,68%	Chị gái
2.8	Nguyễn Thị Mai			011937572 cấp ngày 25-03-2013 tại CATP Hà nội	Căn hộ số 502 - Tòa P01 khu đô thị Nam Thăng Long -Xuân Đỉnh -Từ Liêm Hà Nội	0	0	Em gái
2.9	Nguyễn Thị Hoa			001181016676 cấp ngày 30-11-2016 tCục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 57/1 An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	100	0,00%	Em gái
2.10	Nguyễn Thị Thu Hương			001183027510 cấp ngày 22-02-2018 Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	6.700	0,18%	Em gái
2.11	Nguyễn Hải Nhi			001305023324 cấp ngày 20/7/2020 Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0	0	Con gái
2.12	Nguyễn Duy Mạnh				TDP Tân Xuân 5, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0	0	Con trai
2.13	Phạm Thanh Nam			001081016930cấpngày:17/11/2916 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 57/1 An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	0	0	Em rể
2.14	Phạm Hữu Tuấn			011947484 cấp ngày 22-06-2006 tại CA TP hà nội	Căn hộ số 502 - Tòa P01 khu đô thị Nam Thăng Long -Xuân Đỉnh -Từ Liêm Hà Nội	0	0	Em rể
2.15	Trần Ánh Dương			011866090 cấp ngày 30-09-2010 tại CATP Hà Nội	TDP Hoàng 17 ,Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm . Hà nội.	0	0	Anh rể
3	**Nguyễn Duy Quốc Việt**		**Thành viên HDQT**	022570364, Ngày cấp:25/12/2009 Nơi cấp: CA TP.Hồ Chí Minh	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ C	1.068.832	28,27%	
3.1	Nguyễn Duy Quang			Số CCCD: 079039000586; ngày cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	A13/12 QL1A, Xã Bình Chánh, Huy	0	0	Bố ruột
3.2	Phan Thị Tám			Số CCCD: 080144000229; ngày cấp: 30/8/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành cính về trật tự xã hội	A13/12 QL1A, Xã Bình Chánh, Huy	0	0	Mẹ ruột
3.3	Hoàng Thị Thu Hương			Số CCCD: 038177007522; ngày cấp 03/1/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ C	32	0,00%	Vợ
3.4	Nguyễn Hoàng Nam Phương			Chưa thành niên	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ C	0	0	Con ruột

3.5	Nguyễn Hoàng Minh Phương			Chưa thành niên	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ	0	0	Con ruột
3.6	Nguyễn Duy Linh			Số CCCD: 022111455; ngày cấp: 1/7/2014; nơi cấp: Công an TP.HCM	A13/12 QL1A, Xã Bình Chánh, Huy	0	0	Anh ruột
3.7	Nguyễn Duy Hiển			Số CCCD: 079070011133; ngày cấp: 5/1/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	A13/12 QL1A, Xã Bình Chánh, Huy	0	0	Anh ruột
3.8	Nguyễn Thị Thanh Khuê			Số CCCD: 038149003330; ngày cấp: 6/12/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ	0	0	Mẹ vợ
3.9	Hoàng Mạnh Cường			Số CCCD: 038079011607; ngày cấp: 29/11/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ	0	0	Em vợ
3.10	Hoàng Thị Hằng Nga			Số CCCD: 079187017766; ngày cấp: 5/12/2019; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	812/6 Trường Sa, P.14, Q.3, TP.Hồ	0	0	Em vợ
4	**Đỗ Thị Mai Trang**		**Thành viên HĐQT**	012030608 do CATP Hà Nội cấp ngày 4/5/2006	Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính-Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình-Hà Nội	0	0	
4.1	Lê Thị Tuyết Mai			001158017226 do Cục Cảnh Sát QLHC về Trật tự XH cấp ngày 22/10/2019	Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính-Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình-Hà Nội	0	0	Mẹ đẻ
4.2	Đào Thị Vân			033148000400 do Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 9/12/2015	Xã Cửu Cao, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	0	0	Mẹ chồng
4.3	Tô Hải Bình			012898150 do CATP Hà Nội cấp ngày 21/7/2006	Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính-Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình-Hà Nội	0	0	Chồng
4.4	Đỗ Thị Bích Ngọc			012937189 do CATP Hà Nội cấp ngày 21/1/2007	Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính-Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình-Hà Nội	0	0	Em gái
4.5	Tô Nhật Minh				Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính-Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình-Hà Nội	0	0	Con trai
4.6	Tô Gia Hân				Số 15 ngõ 64 Phố Phó Đức Chính-Phường Trúc Bạch- Quận Ba Đình-Hà Nội	0	0	Con gái
5	**Trần Minh Hiếu**		**Thành viên HĐQT**	001097022836, Ngày cấp:20/9/2019, Nơi cấp: CA Hà Nội	Nhà Na 6 khu hỗn hợp nhà ở KHTMDV, 6 Lê Văn Thiêm, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0	
5.1	Trần Minh Điền			30068000105	Nhà Na 6 khu hỗn hợp nhà ở KHTMDV, 6 Lê Văn Thiêm, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0	Bố
5.2	Phạm Thị Thu Phương			22117000047	Nhà Na 6 khu hỗn hợp nhà ở KHTMDV, 6 Lê Văn Thiêm, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0	Mẹ
5.3	Trần Minh Hải				Nhà Na 6 khu hỗn hợp nhà ở KHTMDV, 6 Lê Văn Thiêm, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0	Em trai
Ban kiểm soát								

6	**Đoàn Thị Thu Thủy**		**Trưởng Ban kiểm soát**	310355388 cấp ngày 07/12/2005 tại CA Long An	Ấp 3, Tân Phước Tây, Tân An, Long An	0	0	
6.1	Kiều Thị Mỹ			300325756 cấp ngày 25/06/2019 tại CA Long An	Ấp 3, Tân Phước Tây, Tân An, Long An	0	0	Mẹ
7	**Trương Quốc Nghĩa**		**Thành viên Ban kiểm soát**	079087016280 cấp ngày 29/7/2019 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	152B/4 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM	0	0	
7.1	Nguyễn Thị Thanh Nguyện			079184021144 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	596/4A Hưng Phú, P.9, Q8, TP.HCM	0	0	Vợ
7.2	Trương Văn Hiếu			079062001853 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	152B/4 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM	0	0	Bố đẻ
7.3	Nguyễn Thị Xuyên			080167002014 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	152B/4 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM	0	0	Mẹ đẻ
7.4	Nguyễn Thành Danh			079055001469 cấp ngày 12/01/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	596/4A Hưng Phú, P.9, Q8, TP.HCM	0	0	Bố vợ
7.5	Lư Thị Tư			079156008485 cấp ngày 12/01/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	596/4A Hưng Phú, P.9, Q8, TP.HCM	0	0	Mẹ vợ
7.6	Trương Thị Thắm Quyên			079194001699 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	154/170/35 Âu Dương Lân, P.3, Q.8, TP.HCM	0	0	Em ruột
7.7	Huỳnh Thanh Hùng			083094000073 cấp ngày 29/05/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	154/170/35 Âu Dương Lân, P.3, Q.8, TP.HCM	0	0	Em rể
8	**Lê Thị Việt Hoa**		**Thành viên Ban kiểm soát**			0	0	
8.1	Lê Thanh Tùng			162627224 ngày 23/04/2013 tại tỉnh Nam Định	5/31/111 Mạc Thị Bưởi, P.Quang Trung, TP.Nam Định	0	0	Bố đẻ
8.2	Nguyễn Thị Huệ			160132312 ngày 14/06/2013 tại tỉnh Nam Định	5/31/111 Mạc Thị Bưởi, P.Quang Trung, TP.Nam Định	0	0	Mẹ đẻ
8.3	Lê Thị Huế			037174000856 ngày 07/12/2016 tại TP.Hà Nội	P1510 Tòa A Kengnam, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0	Chị ruột
8.4	Lê Anh Tuấn			036084012293 Cục trưởng cục CS QLHC TTXH	G404 CC Đồng Diều, P.4, Q.8, TP.H	0	0	Em ruột
8.5	Phạm Xuân Đại			012360719 ngày 07/12/2010 tại TP Hà Nội	P1510 Tòa A Kengnam, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0	Anh rể
8.6	Trần Thị Thanh Hằng			024213564 ngày 23/07/2014 tại TP.HCM	G404 CC Đồng Diều, P.4, Q.8, TP.H	0	0	Em dâu
Ban giám đốc và Kế toán trưởng								
9	**Bùi Hải Nam**		Phó giám đốc	008079000158 Cục Trưởng CCSQLHC về TTXH cấp ngày 03/04/2019	338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM	0	0	
9.1	Võ Thị Họa Mi			080183000801 Cục Trưởng CCSQLHC về TTXH cấp ngày 09/04/2019	338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM	0	0	Vợ
9.2	Bùi Xuân Yến			070022791 Công an Tuyên quang cấp ngày 12/6/2008	338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM	0	0	Bố đẻ
9.3	Nguyễn Tú Hải			070022848 Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/05/2018	338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM	0	0	Mẹ đẻ
9.4	Bùi Hải Vy				338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM	0	0	Con đẻ

9.5	Bùi Hải Anh				338/28 Đường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, HCM	0	0	Con đẻ
9.6	Bùi Hải Âu			70507602 Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 26/6/2020	Tổ 11 Phường Minh Xuân TP Tuyên Quang Tỉnh Tuyên	0	0	Anh ruột
9.7	Mai Thanh Huyền			070512024 Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 27/7/2015	Tổ 11 Phường Minh Xuân TP Tuyên Quang Tỉnh Tuyên Quang	0	0	Chị dâu
9.8	Võ Văn Hoạnh			300145866 Công an Long An cấp ngày 26/5/2010	232 Ấp Đức Ngãi II, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.	0	0	Bố vợ
9.9	Nguyễn Thị Cẩm Bình			300145867 Công an Long An cấp ngày 03/12/2010	232 Ấp Đức Ngãi II, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.	0	0	Mẹ vợ
10	**Ngô Nhật Minh**	033C322615	Kế toán trưởng	079081032113 cấp ngày 20/7/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	224 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q.Phú Nhuận, TPHCM	1.000	0,03%	
10.1	Ngô Ba			049054000896 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	224 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q.Phú Nhuận, TPHCM	0	0	Bố đẻ
10.2	Phạm Thị Hoa			049157000775 cấp ngày 19/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	224 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q.Phú Nhuận, TPHCM	0	0	Mẹ đẻ
10.3	Ngô Phương Thùy Trâm			N1983017-14/03/2019-Sydney-Úc	New South Wales, Úc	0	0	Chị ruột
10.4	Ngô Nhật Toàn			079084020283 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH	224 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q.Phú Nhuận, TPHCM	0	0	Em ruột